

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 14/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày

29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 7015/UBND-XD₁ ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng, ban hành Quyết định quy phạm pháp luật của tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1354/TTr-SXD ngày 04/5/2024; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 533/BC-STP ngày 28/3/2024; ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 05/6/2024 (Thông báo số 234/TB-UBND ngày 05/6/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

- Sở Xây dựng (cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản) chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung báo cáo, đề xuất và chất lượng dự thảo văn bản trình, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sở Tư pháp (cơ quan thẩm định) chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về kết quả thẩm định, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, XD₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bá Hà

QUY ĐỊNH

Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh (tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nội dung, định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư bao gồm các thành phần chi phí sau:

a) Chi phí khảo sát (nếu có): Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đơn giản (lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản) được xác định bằng dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số V - Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Chi phí hỗ trợ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đơn giản:

Chi phí hỗ trợ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đơn giản xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 1 kèm

theo Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng).

Bảng 1. Định mức chi phí hỗ trợ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đơn giản

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Stt	Loại công trình	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng) tỷ đồng		
		≤ 1	3	5
1	Công trình dân dụng	0,624	0,451	0,427
2	Công trình công nghiệp	0,643	0,461	0,437
3	Công trình giao thông	0,518	0,346	0,302
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,595	0,422	0,398
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,557	0,403	0,365

Trường hợp chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng) có giá trị từ trên 1,0 tỷ đồng đến dưới 3,0 tỷ đồng hoặc từ trên 3,0 tỷ đồng đến dưới 5,0 tỷ đồng thì định mức chi phí hỗ trợ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình được tính theo phương pháp nội suy.

Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản ban hành tại Quyết định này (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) không nhỏ hơn 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2. Nội dung, chi phí hỗ trợ quản lý dự án đầu tư xây dựng:

a) Chi phí hỗ trợ quản lý dự án:

Chi phí hỗ trợ quản lý dự án xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 2 kèm theo Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng).

Bảng 2. Định mức chi phí hỗ trợ quản lý dự án

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Stt	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	2,757
2	Công trình công nghiệp	2,846
3	Công trình giao thông	2,419
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2,610
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,321

b) Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng trên biển, dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng bãi ngang ven biển; xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng chi phí được xác định tại điểm a khoản 2 Điều này nhân với hệ số điều chỉnh 1,35.

3. Nội dung, chi phí hỗ trợ giám sát thi công công trình:

a) Chi phí hỗ trợ giám sát thi công xây dựng

Chi phí hỗ trợ giám sát thi công xây dựng công trình xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 3 kèm theo Quyết định này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng).

Bảng 3. Định mức chi phí hỗ trợ giám sát thi công xây dựng

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Stt	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	3,285
2	Công trình công nghiệp	3,508
3	Công trình giao thông	3,203
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2,598
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,566

b) Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng trên biển, dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng chi phí được xác định tại điểm a khoản 3 Điều này nhân với hệ số điều chỉnh 1,2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cấp tỉnh gồm: Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý xã lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ (nếu thấy cần thiết).

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn do mình quản lý.

6. Trách nhiệm của Ban Quản lý xã

a) Tổ chức lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản trình UBND cấp xã thẩm định và phê duyệt theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng hồ sơ thiết kế, dự toán do mình tổ chức lập.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp thực tế hoặc có vướng mắc thì các đơn vị gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.